TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **551**//2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2020
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa.

2. Ông Tạ Công Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Ngọc Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 427/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2020 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp TB xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Trịnh Hoàng P**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp TB xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị T có mặt, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 22/6/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T trình bày*:

Chị và anh Trịnh Hoàng P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyển số 01/2003 ngày 14/11/2003.

Sau khi kết hôn, chị và anh P về chung sống tại ấp TB xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2016, anh P không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, không phụ giúp vợ con. Nhận thấy hôn nhân đã đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn, nay yêu cầu Tòa án xem xét cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trịnh Thị Ngọc G, sinh ngày 01/7/2002 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 27/01/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn **Trịnh Hoàng P** đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Đến ngày 20/7/2020, anh P có đơn xin vắng mặt, nội dung anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, lý do anh còn thương vợ, muốn các con có đủ cả cha lẫn mẹ. Trong trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, đối với con chung thì anh yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con. Anh không cấp dưỡng nuôi con, thực tế khả năng kinh tế lo được đến đâu, anh sẽ cùng chị T lo cho con chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T vẫn yêu cầu được ly hôn với anh P, chị có thay đổi và bổ sung yêu cầu: Khi nộp đơn khởi kiện, con chung Ngọc G chưa đủ 18 tuổi, nên chị có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Đến nay, cháu G đã đủ 18 tuổi và lao động tự lo cho bản thân được nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với con chung, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc T1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh P được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai cản trở. Đối với tài sản chung thì để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn phù hợp luật định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Vụ án có quan hệ tranh chấp "Ly hôn".

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trịnh Hoàng P xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyển số 01/2003 ngày 14/11/2003.

Tại phiên tòa, chị T trình bày nhiều vấn đề để cho rằng giữa hai vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Anh P là người chồng vô trách nhiệm, đã không lo cho gia đình, không lo cho vợ con mà còn thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, mỗi lần nhậu về là kiếm chuyện chửi chị, đánh chị,… Nhiều lần chị khuyên nhủ anh nên sửa đổi lại tính tình, lo làm ăn, phát triển kinh tế cùng chị lo cho gia đình và các con nhưng anh P không sửa đổi. Từ đó, chị bất mãn, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai người tuy còn ở chung một nhà nhưng đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Đối với anh P, trong đơn xin vắng mặt ngày 20/7/2020 (bút lục 20), anh trình bày còn thương chị T, muốn các con có đủ cả mẹ lẫn cha, nhưng anh lại không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án triệu tập anh nhiều lần để giúp đôi bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng anh đều vắng mặt không có lý do cho đến ngày 20/7/2020 anh có đơn xin vắng. Từ đó cho thấy anh P thiếu thiện chí để được đoàn tụ cùng chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đời sống vợ chồng giữa anh P và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu xin ly hôn anh P của chị T là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét thấy, con chung Trịnh Thị Ngọc G, sinh ngày 01/7/2002; mặc dù tại Bản tự khai của Giàu (bút lục 07) thể hiện muốn được sống với mẹ khi

cha mẹ ly hôn, nhưng đến nay G đã trưởng thành, lao động tự lo cho bản thân được nên chị T yêu cầu không xem xét đối với con chung Ngọc G là hoàn toàn có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với con chung Trịnh Thị Ngọc T1 sinh ngày 27/01/2011, xét cần tiếp tục giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành, vì cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn (bút lục 06), anh P cũng có yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của con chung. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu này của chị T. Anh P chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Ngọc T1 do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 244, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Trịnh Hoàng P.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 27/01/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh P chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung Ngọc T1 mà không ai được cản trở.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cấn trừ với số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002927 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **20**/2020/QĐ-SCBCQĐ	*Châu Thành, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Xét thấy cần sửa chữa bản án do nhầm lẫn trong khâu đánh máy đối với bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số **551**/2020/HNGĐ - ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang về việc " Tranh chấp ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1982.

HKTT: ấp TB xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Trịnh Hoàng P**, sinh năm 1980.

HKTT: ấp TB, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số **551**/2020/HNGĐ - ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang như sau:

Tại dòng thứ 7 tính từ dưới lên của trang 1 của bản án đã ghi:

2. Bị đơn: **Trịnh Hoàng P**, sinh năm 1986.

Nay sửa chữa như sau:

2. Bị đơn: **Trịnh Hoàng P**, sinh năm 1980.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.